

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N B
TỈNH N B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: /2020/HNGĐ-ST
Ngày 15/7/2020
V/v “Ly hôn; tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N B - TỈNH N B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Phương

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thịnh

Ông Lê Văn Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Tổng Thị Huệ – Thư ký Toà án nhân dân thành phố N B, tỉnh N B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N B tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N B, tỉnh N B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 72/ 2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lã Thị Phương Ng, sinh năm 1986

Bị đơn: Anh Phạm Anh T, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: số nhà 25, ngõ 174, đường Trần Phú, phố P Ch 2, phường N Th, thành phố N B, tỉnh N B

Tại phiên tòa chị Ng có mặt, anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lã Thị Phương Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn lần thứ 2 vào ngày 13 tháng 3 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Phúc Thành, thành phố N B, tỉnh N B. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không từ bỏ được bản tính cũ, vẫn chơi bời, ngoại tình, không chăm lo cho gia đình. Chị phải một mình gánh vác cuộc sống gia đình, chăm lo nuôi dạy các con, anh T thường xuyên không ở nhà, đã nhiều lần chị và gia đình hai bên nói chuyện để khuyên can anh T thay đổi tính cách, thay đổi cách sống nhưng anh T không nghe, không chịu thay đổi. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2018, chị và anh T sống ly thân, chị và các con vẫn ở cùng bố mẹ chồng, còn anh T thường xuyên không ở nhà. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Phạm Anh T có hai con chung là cháu Phạm Ngọc Bảo V, sinh ngày 06/7/2008 và cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 28/10/2013. Hiện tại các cháu đang ở với chị. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục các cháu là cháu V và cháu N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị đề nghị anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 29/5/2020, anh Phạm Anh T trình bày: Anh và chị Nga đăng ký kết hôn tại UBND phường Phúc Thành, thành phố N B, tỉnh N B vào ngày 13/3/2013. Trước khi kết hôn anh và chị Ng được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn anh và chị Ng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2019 thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau mặc dù đã được hai bên cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hòa giải được. Từ năm 2019, anh và chị Ng sống ly

thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh cũng xác định tình cảm giữa anh và chị Ng không còn, nên chị Ng xin ly hôn anh, anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Ng có hai con chung là cháu Phạm Ngọc Bảo V, sinh ngày 06/7/2008 và cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 28/10/2013. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn do tính chất công việc của anh thường xuyên không có mặt ở nhà nên anh đồng ý để cả hai cháu V, cháu N cho chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc hai cháu, với điều kiện cháu V và cháu N ở cùng với bố mẹ anh tại số nhà 25, ngõ 174, đường Trần Phú, phố Ph C, phường N Th, thành phố N B, tỉnh N B; chị Ng không được quyền tự ý thay đổi chỗ ở của các cháu, còn trường hợp chị Ng xây dựng gia đình mới thì quyền nuôi con chung thuộc về người chưa xây dựng gia đình. Sau khi các con chung của anh và chị Ng đủ 18 tuổi thì thuận theo ý của các cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị Ng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của cháu Phạm Ngọc Bảo V trình bày: Hiện tại cháu đang ở với mẹ và ông bà nội. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bố mẹ cháu thì cháu xin được ở với mẹ vì mẹ có nhiều thời gian chăm sóc cháu hơn.

Tại phiên tòa hôm nay chị Lã Thị Phương Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Anh T vì mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng từ năm 2018, anh chị đã sống ly thân, vợ chồng không còn tình cảm và quan tâm đến nhau nữa. Về con chung chị xin được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V và cháu N đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận

toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lã Thị Phương Ng. Xử lý hôn giữa chị Lã Thị Phương Ng và anh Phạm Anh T. Giao cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Bảo V sinh ngày 06/7/2003 và cháu Phạm bảo N, sinh ngày 28/10/2013. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Lua theo phương thức định kỳ hàng tháng từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 8/2019 đến khi cháu V và cháu N đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập được cuộc sống; Chị Ng phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; Anh T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1] Về tố tụng: Anh Phạm Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Tuấn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lã Thị Phương Ng và anh Phạm Anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn lại lần thứ 2 tại Ủy ban nhân dân phường Ph Th, thành phố N B, tỉnh N B vào ngày 13 tháng 3 năm 2013. Hôn nhân giữa chị Ng và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn lần thứ 2 cùng anh T, chị Ng cho rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, anh T không thay đổi được cách sống trước kia, vẫn thường xuyên chơi bời, ngoại tình không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con. Anh T cùng trình bày do mâu thuẫn vợ chồng không đồng quan điểm, sống không hợp nhau, nên mâu thuẫn giữa anh và chị Ng ngày càng trầm trọng; anh T cũng xác nhận anh và chị Ng đang sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay.

Tại phiên tòa chị Ng khẳng định anh chị mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2018 và anh chị đã ly thân, anh T thường xuyên không ở nhà, anh T có người phụ nữ khác bên ngoài nên không quan tâm đến gia đình, vợ con. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hòa giải nhưng anh T không có mặt khi hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ được; anh T cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Lã Thị Phương Ng. Điều đó cũng chứng tỏ mặc dù giữa chị Ng và anh T đã đăng ký kết hôn lại lần 2 nhưng giữa hai bên không hóa giải được mâu thuẫn, nên tình cảm vợ chồng không được gắn kết; mặt khác anh T cũng không tha thiết đoàn tụ vợ chồng, vì từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay chị Ng, anh T không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không liên

lạc với nhau để tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị Ng và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Lã Thị Phương Ng là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Ng và anh T có hai con chung là cháu Phạm Ngọc Bảo V, sinh ngày 06/7/2008 và cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 28/10/2013. Chị Ng đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu và nguyện vọng của cháu V cũng xin được ở với mẹ, anh Tuấn cũng nhất trí giao cháu cả hai cháu V và N cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Xét về điều kiện nuôi con, chị Ng có đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu vì chị có thu nhập hàng tháng bằng lương. Do vậy, cần giao cho chị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Phạm Ngọc Bảo V và cháu Phạm Bảo N đến khi cháu V và cháu N đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Hiện tại anh T đi làm xa nhà, anh không cung cấp được mức lương cụ thể cho Tòa án. Nhưng xét thấy anh T vẫn có thu nhập hàng tháng, nên cần buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu V và cháu N cùng chị Ng theo phương thức định kỳ hàng tháng với số tiền 2.000.000^d (Hai triệu đồng) một tháng cho cả hai cháu, kể từ tháng 8 năm 2020 đến khi cháu V và cháu N đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống là phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Ng và anh T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lã Thị Phương Ng phải nộp án phí ly hôn là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng); Buộc anh T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83,84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lã Thị Phương Ng về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Phạm Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Lã Thị Phương Ng và anh Phạm Anh T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lã Thị Phương Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Ngọc Bảo V, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2008 và cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 28/10/2013 cho đến khi cháu V và cháu N đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

anh Phạm Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung. Không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Khi cần các bên có thể thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về cấp dưỡng tiền cho con: Buộc anh Phạm Anh T phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lã Thị Phương Ng theo phương thức định kỳ hàng tháng, số tiền là 2.000.000^d (Hai triệu đồng) một tháng cho cả 2 cháu, kể từ tháng 8 năm 2020 đến khi cháu V và cháu N đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

Kể từ ngày chị Lã Thị Phương Ng có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Phạm Anh T không chịu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng thì hàng tháng anh Tuấn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi xuất thì quyết định theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: chị Lã Thị Phương Ng và anh Phạm Anh T không có tài sản chung và công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lã Thị Phương Ng phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền trên được trừ vào số tiền chị Ng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố N B, tỉnh N B theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001482 ngày 03 tháng 3 năm 2020. Chị Ng đã nộp đủ án phí.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Phạm Anh T phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm chị Lã Thị Phương Ng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSNDTP.NB;
- Chi cục THADSTP.N B;
- Các đương sự;
- UBND phường Ph Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Dương Thị Phương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

**Hoàng Văn Bình - Đồng T. Thanh
Hương**

Phạm Thị Tuyết

